

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 80/2019/DS-PT

Ngày: 18/3/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cửa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử P thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 102/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 19/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 14/2 ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 23/2 ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Hồ Văn S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 14/2 ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3.2. Anh Đinh Văn P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 23/2 ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: anh Đinh Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án và tại phiên tòa, chị

Nguyễn Thị U trình bày:

Ngày 28/9/2017 (nhằm ngày 09/8/2017 âm lịch), chị có cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3,5%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng; chị D có ký tên và ghi rõ họ tên vào giấy nợ do chị viết sẵn. Khi vay, chị D nói là để chị D mua xe buýt nên trong giấy nợ chị có ghi là để làm ăn mua xe. Sau khi vay, chị D có đóng lãi cho chị được 03 tháng với số tiền là 21.000.000 đồng, từ đó đến nay chị D không đóng lãi và cũng không trả vốn cho chị. Chị có nhiều lần yêu cầu chị D trả cho chị số tiền trên, chị D có hứa hẹn nhưng vẫn không trả tiền cho chị. Nay chị yêu cầu chị D, anh P phải liên đới trách nhiệm trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng, trả một lần, chị không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị thừa nhận vào ngày 09/8/2017 (al) chị có vay của chị U số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3,5%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận là đến khoảng tháng 7 hoặc tháng 8/2018, chị sẽ trả vốn cho chị U. Khi vay, chị U có viết giấy nợ và chị có ký tên, ghi rõ họ và tên vào giấy nợ.

Trước đây, lần hòa giải tại Tòa án, chị có thừa nhận tờ giấy nợ chị U cung cấp tại Tòa là do chị ký tên và ghi rõ họ tên, nhưng khi về nhà xem kỹ lại giấy thì chữ ký trong tờ giấy này không phải là chữ ký của chị vì chị nhớ lúc đó chị không có nói với chị U là chị vay tiền để làm ăn mua xe. Sau khi vay, chị có đóng lãi cho chị U 04 tháng với số tiền là 28.000.000 đồng, từ đó đến nay chị không đóng lãi cho chị U nữa. Nay chị U yêu cầu chị phải trả cho chị U số tiền 200.000.000 đồng thì chị đồng ý nhưng do hiện nay chị nợ rất nhiều người, không có khả năng trả một lần, chị yêu cầu chị U cho chị trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Do số tiền này chị vay để chèn hụi và đóng hụi cho người khác, không phải để mua xe và cũng không có sử dụng chung cho gia đình nên chị chịu trách nhiệm trả một mình, chị không đồng ý anh P chồng chị phải có trách nhiệm liên đới cùng chị trả cho chị U số tiền trên. Đối với số tiền lãi chị đã đóng cho chị U thì chị không yêu cầu xem xét.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn S trình bày:

Tuy số tiền này chị U là người trực tiếp cho chị D vay nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng anh và chị U nên anh cũng yêu cầu chị D và anh P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh và chị U số tiền 200.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, anh Đinh Văn P vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 09/10/2018, anh Đinh Văn P trình bày:

Số tiền chị D vợ anh vay của chị U, anh không biết và cũng không biết chị D vay tiền của chị U sử dụng vào việc gì, số tiền đó không sử dụng mục đích chung cho gia đình nên anh không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng chị D trả số nợ 200.000.000 đồng cho chị U.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Căn cứ Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị U và anh Hồ Văn S số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn P trình bày:

Anh không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng chị D trả số nợ 200.000.000 đồng cho chị U vì việc chị D vợ anh vay tiền của chị U, anh không biết và số tiền mà chị D vay không sử dụng mục đích chung cho gia đình.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn S trình bày:

Anh chị không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh P, yêu cầu chị D, anh P phải liên đới trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị số tiền 200.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị vay tiền của chị U là để chàn hụi, đóng hụi. Chị làm chủ hụi, dùng tiền hưởng hoa hồng để điều trị bệnh cho chị nên chị đồng ý một mình chị trả tiền cho chị U, anh S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: chị D vay tiền của chị U là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị D và anh P. Tại phiên tòa, chị D cho rằng vay tiền chị U là để chàn hụi, đóng hụi, như vậy là cũng nhằm tạo thu nhập cho gia đình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018, chị D khai rằng giữa chị và anh P không có làm kinh tế riêng. Hôn nhân giữa anh P và chị D đang tồn tại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh P có nghĩa vụ liên đới cùng chị D trả cho vợ chồng chị U số tiền 200.000.000 đồng là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ giấy viết tay ngày 28/9/2017 (nhằm ngày 09/8/2017 âm lịch), chị Nguyễn Thị U có cho chị Nguyễn Thị D mượn số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn mua xe. Chị D không thừa nhận chữ ký và chữ viết trên tờ giấy viết tay này là của chị nhưng chị không yêu cầu giám định để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị D thừa nhận ngày 09/8/2017

âm lịch chị có vay của chị D số tiền 200.000.000 đồng và chị D cũng đồng ý trả số tiền này cho chị U.

[2] Tại đơn khởi kiện, chị U yêu cầu anh Đinh Văn P là chồng của chị D phải liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, từ thời điểm chị D vay tiền của chị U đến nay, giữa chị D và anh P vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, cùng đăng ký thường trú tại số nhà 23/2 ấp B, xã T, huyện P. Tại biên bản lấy lời khai của chị D ngày 28/9/2018 trong một vụ án khác chị D khai rằng hai vợ chồng chị không có làm kinh tế riêng. Chị D cho rằng chị vay tiền của chị U là để chàn hụi, đóng hụi, không phải mua xe như trong tờ giấy viết tay. Tuy nhiên, việc chị D sử dụng số tiền này để chàn hụi, đóng hụi hoặc để mua xe thì cũng nhằm mục đích làm kinh tế, tạo thu nhập cải thiện cuộc sống chung của gia đình. Điều này được thể hiện tại phiên tòa phúc thẩm, chị D cũng thừa nhận là dùng tiền hưởng hoa hồng làm chủ hụi là để trị bệnh cho chị và chính anh P cũng thừa nhận nếu không có số tiền này thì anh cũng phải dùng số tiền của vợ chồng để điều trị bệnh cho chị D. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị U và anh Hồ Văn S số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp. Anh P kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Mặc dù lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận 3,5%/tháng là vượt quá quy định của Nhà nước, chị U không yêu cầu chị D phải trả số tiền lãi mà chị D chưa trả nhằm để khấu trừ tiền lãi chị D đã trả cao hơn pháp luật quy định, đồng thời chị D cũng đồng ý và không có yêu cầu tính lãi lại đối với số tiền chị D đã trả cho chị U. Thấy rằng, nếu tính số tiền lãi mà chị D phải trả cho chị U trong một thời gian dài chị D không trả được tiền vốn cho chị U thì nhiều hơn số tiền lãi mà chị D đã trả cho chị U theo lãi suất mà các bên thỏa thuận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đinh Văn P phải chịu án phí dân sự P thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Văn P.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị U và anh Hồ Văn S số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn P có trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0018619 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Văn P phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021587 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện P (1b);
- Chi cục THADS huyện P (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa